

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

Bộ vì kèo gỗ trong kiến trúc cổ truyền Việt

Trong số này, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược một số bộ vì kèo gỗ truyền thống trong kiến trúc cổ truyền của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, giai đoạn từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVIII

1. Bộ vì trong kiến trúc thời Trần:

Thường làm theo kiểu “giá chiêng”, gồm một câu đầu mập khỏe gối trên hai đầu vuông lớn rồi tì lực lên đầu hai cột cái. Lưng câu đầu đội hai trụ trốn, hai trụ này đội hai đầu một rường “bung lợn” (rường hơi cong, thót nhẹ hai đầu). Lồng giữa hai “trụ trốn” là một “ván lá đê”. Phía ngoài trụ trốn được bung “ván dày” cũng mang chức năng đỡ hoành. Hoành nóc tì lực lên rường bụng lợn qua một “dép kép” cao (dép thượng lương). Từ hoành nóc tới đầu cột cái thường có hoành khác được kê trên đầu rường hoặc ván bung. Nối giữa cột cái và cột quân ở cả bốn mặt, là tám bộ “cốn”. Thông thường các cốn đều theo kiểu chồng rường với các xà ngắn ăn chân mộng vào cột cái, trong tư thế chồng lên nhau. Trên mặt cốn bao giờ cũng có một ván trang trí hình chữ nhật. Bên ngoài là một cột trốn nhỏ nối với ván này mang hình thức rường cụt. Kết thúc bộ vì là một chiếc bảy lớn ăn chân mộng qua đầu cột quân, đuôi bảy ở phía trong cột quân được gọi là “nghé”, nghé đội bụng xà nách, tạo sự cân bằng cho bảy. Các bảy của chùa đều khá lớn, vì mái trùm ra ngoài nền. Nhìn chung các cột quân đều thấp, nên độ cao của bụng bảy so với mặt nền càng thấp hơn. Lực đỡ góc mái chùa được tập trung trên lưng

chiếc kè dài chạy từ đầu cột cái qua đầu cột góc ra ngoài. Nối đầu các cột quân và cột góc là hệ thống “xà đai”, hợp thành một khung hình chữ nhật, để tạo thế liên kết vững chắc cho bộ khung của chùa (ở đầu cột cái chỉ có hệ thống xà kép nối hai bộ vì chính với nhau).

Thời Lê sơ, thế kỷ XV, hầu như chưa phát hiện được công trình kiến trúc cổ nào còn tồn tại, do đó chúng ta tạm coi đây là giai đoạn lõm khuyết của kiến trúc gỗ trong sự hiểu biết hiện nay.

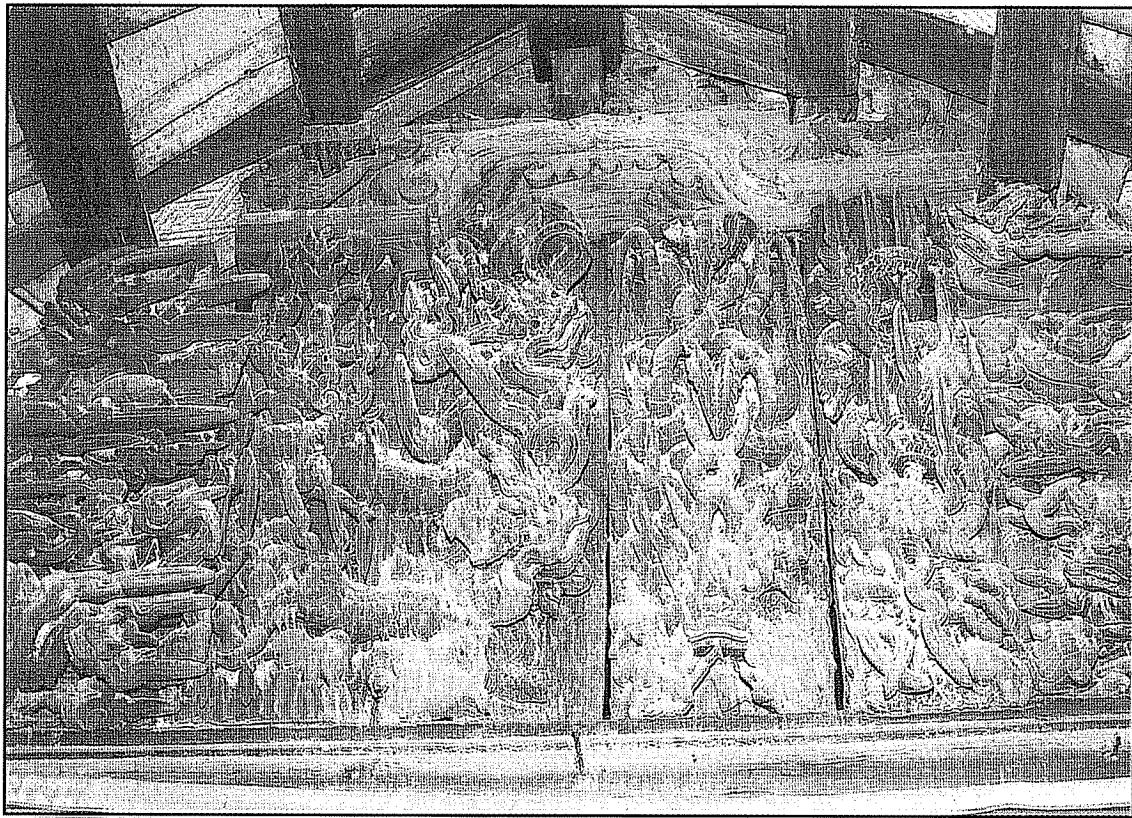
2. Bộ vì trong kiến trúc thời Mạc:

Bằng vào kết quả điều tra diền dã, chúng tôi tạm đưa ra một mô hình cấu trúc vì kèo thời Mạc như sau:

Ngoài chùa thời này bao giờ cũng được đặt trên nền cao (khoảng trên dưới 1 mét). Trên đó dựng một ngôi chùa có khung bằng gỗ mít, với quan niệm cho rằng gỗ mít đã mang ý nghĩa tượng trưng cho trí tuệ. Qua đó người ta có thể hiểu được không gian của tòa thượng điện là một miền đất thánh thiện, đầy trí tuệ và thiện tâm.

Một đặc điểm chung so với nhiều kiến trúc cùng thời là, người ta thường chạm khắc khá nhiều đề tài trên các bộ phận kết cấu trong lòng nhà. Đồng thời đối sánh với di sản văn hóa của các thời kỳ trước có những đơn nguyên kiến trúc đóng kín.

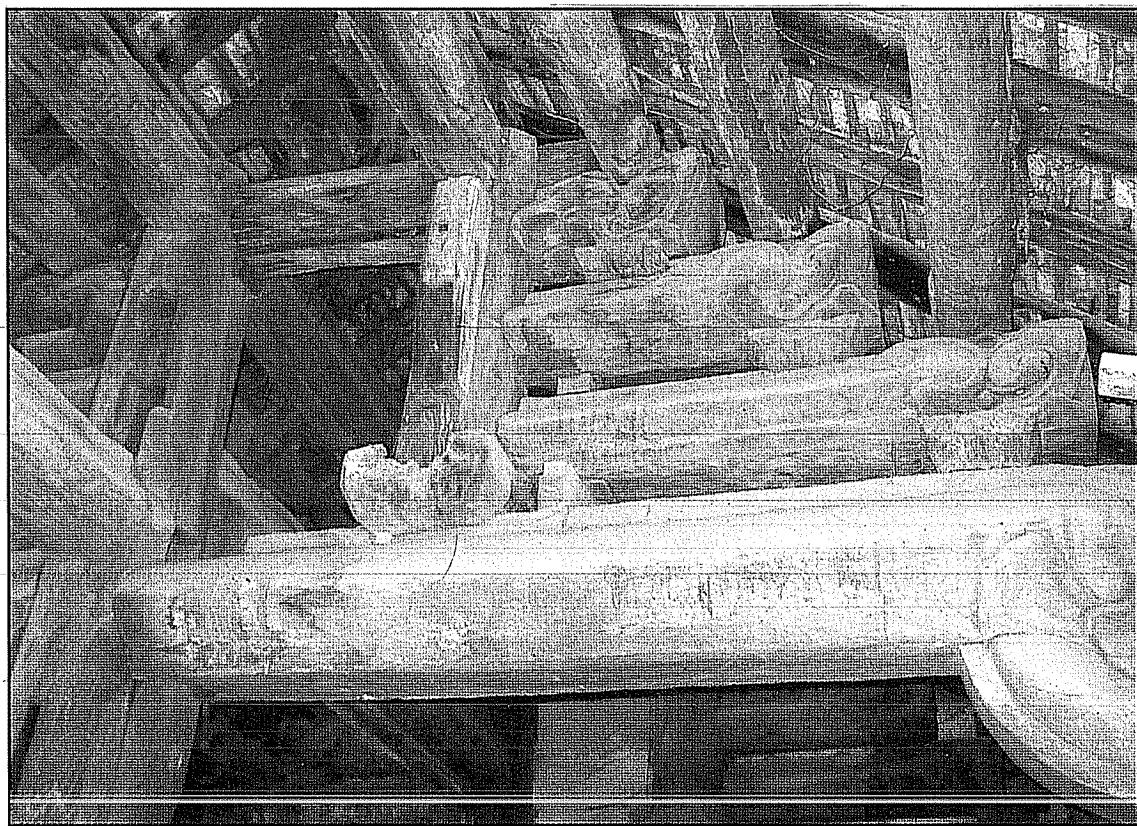
Nhìn chung, kiến trúc của thời Mạc nhìn từ ngoài vào, thường có độ cao của mái gấp tới 3



Vì nóc đình Văn Quan, Trí Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh, gố, TK XVII - Ảnh: Anh Vinh

lần độ cao của thân, hiện tượng này cũng tồn tại cho tới tận giữa thế kỷ XVII (đền Độc Cước, Thanh Hoá). Mặt khác, có lẽ bằng chất liệu gỗ mít cũng khó có thể tạo nên những kiến trúc to lớn. Có thể lấy một bộ mái điển hình của thời Mạc ở chùa Mui và bộ khung điển hình của chùa Cói để "miêu tả" cho những ngôi chùa. Kiến trúc chùa thời này thường chỉ có một gian hai chái với bốn cột cái và 12 cột quân, đầu bẩy rất dài và thấp, nên thời sau người ta thường bổ sung thêm cột hiên để đỡ bụng đòn bẩy. Trong kiến trúc thời Mạc nói chung hầu như chúng chưa có "tâu mái", vì thế chưa có kết cấu "Ấu tâu" (phần liên kết giữa hai tâu mái dọc và ngang) để tạo nên hiện tượng cong góc mái của bộ khung, qua đây chúng ta có thể nghĩ rằng bờ "guột, đao" của các kiến trúc thời Mạc thường tương đối thẳng. Hiện tượng cong góc mái chỉ là phần đắp ở góc đao và guột mà thôi. Các kiến trúc cung điện và của triều đình gần như vắng bóng trong thời kỳ này.

Bộ vì cửa chùa và đình thời Mạc thường được làm bằng gỗ mít không "khoẻ" như gỗ tứ thiết, nên không cho phép kiến trúc vươn theo chiều cao, các kết cấu thường tỏ ra mập mạp để tương thích với sự chịu lực của bộ mái nặng. Dương thời sử dụng chủ yếu là mộng én, mộng thắt, vì thế sức nặng của mái lớn cũng tạo cho các mộng được khít chắc hơn. Nhìn chung các bộ vì thường được dựng theo kết cấu bốn hàng chân, trường hợp đặc biệt, ở chùa thời Mạc còn có hiện tượng hai bộ vì chính đặt ở trên đầu bốn cột cái nhưng đôi khi để mở rộng lòng nhà sang hai bên người ta đã bổ sung thêm hai bộ vì phụ (cũng lớn tương tự như hai bộ vì chính), hai vì này đứng lực ở trên hai "cột trốn" và cột trốn này tì lực lên những "xà đùi" ở "cổn đốc". Như vậy, cổn đốc sẽ lớn và mở rộng hơn cổn gian rất nhiều và đương nhiên xà đùi cũng phải lớn hơn xà nách. Bộ vì thời Mạc thường thống nhất một dạng giá chiêng, với trên cùng là thượng lương (hoành nóc). Đầu thượng lương mang dạng



Vòi nóc Nghi môn Thái miếu, Thanh Hóa, TK XVII-XVIII - Ảnh: Anh Vinh

hình thuyền, vươn đầu ra hai bên và tì lực trên rường "con cung" (bung lớn). Rường con cung có lưng cong lên phía trên chút ít, hai bên thường được bào cong kiểu vỏ măng, phần đầu hơi thót lại và thường chạm hình vân xoắn lớn, dưới đầu rường là hai cột trốn ngắn như dạng đầu. Nhiều cột trốn được diễn ra theo hình thức thắt cổ bồng (cả ở trên và ở dưới). Phía dưới cột trốn được lắp một ván nong dày và dài. Chiếc ván nong này đôi khi được khoét lõm (ở phần giữa hai cột trốn) nhằm tạo nên một không gian để chố cho một ván trang trí dạng lá đề (chiều cao của lá thường chiếm đến hai phần ba chiều ngang). Đầu của rường con cung là nơi đỡ hai "hoành mái" thông qua một dép hoành mỏng. Dưới bộ hoành này còn một hoặc hai hoành khác tì lực trên một ván bưng lớn hình tam giác (nằm giữa mái, cột trốn, tới đầu cột cái). Trong trường hợp này mặt ván bưng thường được chạm các lớp vân xoắn lớn kiểu tay mướp. Vào các thời sau, khi tu bổ, người ta thường thay ván bưng bằng một hoặc hai con rường ăn

mộng vào thân cột trốn rồi chạy ra vươn đầu đỡ hoành, các con rường chồng lên nhau thông qua đầu vuông thót đáy. Đầu những con rường đó cũng đỡ hoành và đều chạm những vân xoắn mập. Cả hệ thống kể trên đều dồn lực lên câu đầu. Hình thức của câu đầu nhiều khi không hẳn đã thẳng băng mà hơi vồng lên phía trên chút ít. Thân của câu đầu có bụng phẳng và hầu như không có trang trí gì. Mọi câu đầu đều mập, hai bên cũng bào theo kiểu ốp vỏ măng với hai đầu hơi thót lại chút ít, rồi tì lực lên trên đầu cột cái, thông qua đầu vuông thót đáy lớn. Đầu vuông này tạo thành mộng ngoàm để giữ cho câu đầu không bị xô lệch. Trong lòng của đầu thường được đục một lỗ vuông thủng để đóng chốt xuống thẳng đầu cột cái (cũng có khi người ta thay chốt lớn bằng bốn chốt nhỏ hơn). Phần kết cấu nối giữa đầu cột cái và đầu cột quân là "cốn" chủ yếu theo lối chồng rường (cũng có người gọi đây là vì nách). Trong hệ thống này chỉ một con rường trên cùng là đuôi của "đầu dù". Đây là hình thức xé đầu cột sớm

nhất được biết hiện nay của kiến trúc cổ truyền. Đôi khi đuôi đầu dư không hẳn là con rường thứ nhất, mà nó chỉ nhô ra phần nào để tạo mộng gắn chặt với đầu cột, làm thế cân bằng cho đầu dư. Đầu dư của kiến trúc thời Mạc hiện nay chỉ thấy được chạm rồng với những đao mảnh dài bay ra phía sau. Những con rồng đầu dư thường nhìn vào giữa như mang ý thức chầu về vị thần, phật ở gian trung tâm. Các con rường của cốn ăn mộng vào thân cột cái rồi chạy ra đỡ hoành mái. Ở đầu con rường thứ hai thường tì lực lên một cột trốn nhỏ, nhằm tạo nên một không gian hình chữ nhật để lắp một ván trang trí. Phần ngoài của cột trốn (đóng khung ván trên) thường có một con rường nhỏ ăn mộng vào cột rồi chạy ra vươn đầu đỡ một chiếc hoành khác. Tất cả hệ thống này đều dồn toàn bộ lực vào xà nách. Xà nách có đuôi ăn mộng vào cột cái rồi chạy ra tì đầu vào cột quân.

Đầu cột quân cũng thường được xẻ ra để đỡ một kết cấu gọi là "bẩy" (một thanh gỗ rất lớn có đuôi hơi cong). Đuôi này đội bụng xà nách, để tạo thế cân bằng cho đầu bẩy. Bẩy đội một ván dong rất dày (gần ngang với độ dày của đầu bẩy) để tạo nên hai mặt, đủ rộng, cho những mảng chạm khắc. Hầu như chúng ta chưa thấy chạm rồng ở đầu bẩy, mà chủ yếu chỉ chạm hoa lá thiêng.

3. Về bộ vì đầu thế kỷ XVII:

Có thể lấy đình Tường Phiêu làm một ví dụ, (niên đại của đình được xác định bằng những mảng chạm tương đồng với chùa Mía có niên đại vào những năm 20-30 của thế kỷ XVII). Kiến trúc này biểu hiện sự ổn định của tàu mái với góc khung gỗ cong. Rõ ràng góc đao cong đã giải tỏa sự nặng nề của mái đình. Từ đây kết cấu tàu mái với những "Ấu tầu" liên quan đến bộ khung đã trở thành một "thực thể" không thể thiếu của kiến trúc Việt.

Đình thế kỷ XVII, về cơ bản, có dáng dấp bên ngoài không khác đình ở thế kỷ XVI bao nhiêu. Ở thế kỷ này, mối liên kết giữa các vì gian là xà thương, xà hạ, lá gió và hầu như ít có sự thay đổi, tuy nhiên để giải quyết nhu cầu mở rộng lòng nhà và chiều cao cho đình, hầu như người ta đã bỏ chất liệu gỗ mít, sử dụng gỗ lim và những loại gỗ khác bền chắc hơn, đồng thời nhiều ngôi đình đã phát triển tối sáu hàng chân cột: Hệ cột cái, cột quân và cột hiên.

Những ngôi đình ở thế kỷ XVII thường có "cốn" chính làm theo kiểu chồng rường, cốn phụ nằm giữa cột quân và cột hiên khá đơn giản, chỉ gồm một "kèo" cong đội ván nong và một xà nách dưới, phần nhiều ở đầu cột hiên vẫn có bẩy. Đôi khi có một vài ngôi đình được bố trí kiểu cốn kép theo kiểu chồng rường, như đình Đáp Cầu (Bắc Ninh) và đình La Cả (Hoài Đức-Hà Tây).

Trở lại bộ vì nóc, kiểu "giá chiêng" vẫn được sử dụng tương đối phổ biến, nhưng hầu như không còn hệ thống ván bụng ở hai bên cột trốn, mà thay bằng hai con rường ăn mộng vào thân cột trốn, rồi chạy ra đỡ hoành, cũng có khi khoảng giữa từ xà nóc tới đầu cột cái có nǎm hoành thì người ta cũng chỉ sử dụng hai con rường ăn mộng vào thân cột trốn, còn con rường dưới cũng chỉ kết hợp với bộ vì nóc thông qua các đấu, có nghĩa là hai đầu rường này không ăn mộng vào thân cột.

Ở thế kỷ XVII, người ta vẫn sử dụng câu đầu kê trên đầu cột cái qua một đấu vuông thót đáy. Lòng của các đấu vuông này phổ biến có bốn lỗ chốt xuống đầu cột để tạo sự bền vững. Người ta đã ít tập trung trang trí chi tiết ở trên bộ vì nóc. Không gian giữa hai cột trốn có phần nhỏ đi, góc đỉnh mái mở rộng hơn (mái bè ra chút ít so với thời Mạc, hiện tượng chạm khắc ở ván lá đề ít dần). Các đầu rường của vì nóc vẫn trang trí các hoa văn tạo khối nổi, rường bụng lớn (con cung) không vồng lên như trước mà thanh gọn hơn.

Câu đầu vẫn theo cách thức của thời Mạc, nhưng bằng chất liệu gỗ tốt hơn nên nó có phần dài thanh thoát hơn.

Ở thế kỷ XVII, niên đại triều vua thường được ghi ở bụng câu đầu bên trái của gian giữa (niên đại can chi ở bụng câu đầu bên phải). Ở một số kiến trúc đôi khi có hiện tượng ngược lại.

Một bộ vì kèo nóc khác của đình là "vì kèo trụ trốn" mà đa phần được đặt ở gian bên. Trong hệ thống "vì kèo trụ trốn" ở đất Bắc, thuộc thế kỷ XVII, khởi đầu chỉ có một trụ trốn tròn "thượng thu hạ thách", chân tì lực lên câu đầu thông qua một đấu vuông thót đáy. Đầu của trụ trốn chống thẳng lên phần liên kết giữa hai kẻ mái, đôi khi nó tạo nên một "mộng ngoàm" để ngâm đầu hai kẻ này. Vào cuối thế kỷ XVII, từ phần trên của thân trụ trốn, nhiều khi người ta tạo một tay đòn ngang, xuyên qua

thân trụ, rồi vươn đầu đỡ bụng của hai kẻ (ở kiến trúc phía Nam, mà chủ yếu từ Huế trở vào, thì hiện tượng đầu cột trốn đỡ đầu kẻ đã hầu như không có, mà nó chỉ có một tay đòn đỡ bụng gần đầu kẻ).

Về bộ vì chồng rường có thể thấy sớm nhất xuất hiện ở toà điện thánh chùa Thầy (Hà Tây). Trong không gian u tịch, các con rường của vì nóc thường theo dạng bào trơn đóng bén. Đặt trên câu đầu là hai rường cùt (chỉ là hai khúc gỗ có độ lớn của thân như những rường khác), song hai đầu rường không nối vào đâu cả. Rường cùt này gần như thay thế cho cột trốn, nó chỉ liên kết với các rường khác thông qua các đầu vuông thót đáy. Có thể, nó cũng là bóng dáng của kết cấu "giá chiêng, chồng rường con nhị" bắt đầu nảy sinh từ cuối thế kỷ XVII.

Một dạng chồng rường khác nữa có lẽ là tiền thân của "vì và cốn ván mề". Người ta sử dụng những con rường lớn xếp khít lên nhau, đôi khi các đầu vuông thót đáy chỉ được lồng vào mà không tạo nên độ dãn cách giữa các con rường. Một ví dụ cụ thể là đình Hưng Lộc (Nam Định). Trong bộ vì nóc này người ta đã tạo nên một mặt phẳng rộng để chạm khắc.

4. Về bộ vì thế kỷ XVIII:

Trong lĩnh vực kiến trúc ở thời này còn có xu hướng thực dụng, đáp ít chú ý tới sự bền vững và tính nghệ thuật, vì thế mà hầu như kết cấu khá đơn giản. Đa số kiến trúc đã sử dụng nhiều mộng hơn, nhất là ở đầu cột. Khó có thể tìm thấy ở thế kỷ XVII hiện tượng xé đầu cột để "quá giang" ăn mộng qua, nhưng đến thế kỷ XVIII hiện tượng này trở nên phổ biến hơn. Mặt khác kích thước của các cấu kiện phần nào cũng có sự thay đổi, đã nhỏ và ít "cục mịch" hơn, tạo ra cảm giác lớn, rộng hơn, dù cho kiến trúc thời kỳ này không cao hơn trước bao nhiêu.

Ở những kiến trúc chính, bộ vì nóc vẫn thường theo kiểu của thế kỷ XVII, song xu hướng chạm khắc trên các cấu kiện kiến trúc giảm dần, đã chú ý nhiều tới bào trơn đóng bén. Người ta đã sử dụng hệ thống cốn đơn giản hơn, như đã nảy sinh kiểu cốn chỉ có một kèo ngồi cong ăn mộng trên xà nách, phần giữa kèo và xà nách để trống (hiện tượng này không nhiều). Trong kết cấu kèo ngồi như kể trên, có kiến trúc không còn đầu dư mà đuôi kẻ trở

Trần Thành - Phổ biến kiến thức

thành nghé đội bụng "câu đầu/quá giang". Kẻ này không phải tì lực vào đầu cột quân mà bao giờ cũng tạo lỗ mộng để chui vào gáy của xà nách. Trên kiến trúc người ta cũng tạo một bẩy ăn mộng vào đầu cột quân. Trong trường hợp kiến trúc có sáu hàng chân, thì nhiều khi lại có chiếc kẻ truyền chạy từ đầu cột quân tì lực qua đầu cột hiên rồi vươn ra ngoài đỡ hoành và tàu mái hiên. Trường hợp này không có bẩy. Cũng dưới dạng sáu hàng chân, sự phát triển của hệ thống kẻ truyền đôi khi được lượn cong, vòng lên ở phần giữa cột quân và cột hiên nhưng lại vồng xuống để đỡ ván dòng ở mái đua phía ngoài, đó là dạng tiền thân của kẻ cổ ngỗng (chỉ nảy sinh từ thế kỷ XIX) về sau.

Thế kỷ XVIII cũng chứng kiến sự thay đổi về kiến trúc, có thể thấy rõ trên kiến trúc chùa Tây Phương (Hà Tây) và chùa Kim Liên (Hà Nội). Hệ thống đầu cột cái đã vươn lên đỡ vì nóc của mái trên, hệ thống như cốn lại nằm ở mái dưới tạo thành dạng kiến trúc kiểu hai tầng mái. Trong hệ thống này, bộ vì nóc thường được kết cấu theo kiểu chồng rường. Đặc điểm của các bẩy được thể hiện dưới dạng nằm ngang. Hệ bẩy nằm ngang được sử dụng nhuần nhuyễn nhất là ở chùa Tây Phương và Kim Liên.

Một đặc điểm kiến trúc nữa ở chùa Kim Liên là giữa hai cột cái ở đầu đốc đã xuất hiện chiếc xà khá thấp, ngang với độ cao của ngôi giọt gianh mái dưới. Đây là một chiếc xà lớn ăn mộng vào cả cột cái trước lắn cột cái sau, để mang tư cách bổ sung cho hệ xà dai. Từ vị trí này chạy ra để đỡ góc cũng có hai chiếc xà mà ở các kiến trúc khác ít thấy. Chùa Kim Liên có tam quan chỉ một hàng chân với hệ thống kèo chồng rường gánh (niên đại thế kỷ XVIII), các bộ vì liên kết với nhau thông qua hệ thống thượng lương, xà trung, xà hạ. Chắc chắn với các bộ vì một hàng chân thì buộc chân cột phải chôn xuống đất, điều này không thích hợp với điều kiện khí hậu và nhiều mối mọt ở Việt Nam, có thể nghĩ rằng đây là ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Trung Hoa.